

Số: 52/2024/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đơn giá vật nuôi thủy sản và đơn giá hỗ trợ chi phí di chuyển lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1995/TTr-SNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá bồi thường đối với vật nuôi thủy sản và đơn giá hỗ trợ di chuyển lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 khi Nhà nước thu hồi đất; cơ quan quản lý nhà nước về đất đai.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản do phải thu hoạch sớm hoặc gây thiệt hại đối với lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản do phải di chuyển thì được bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán chi phí bồi thường vật nuôi thủy sản, chi phí di chuyển lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Chỉ thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với vật nuôi thủy sản, lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản tồn tại trên vị trí bị thu hồi trước khi có thông báo thu hồi đất; không bồi thường, hỗ trợ đối với vật nuôi thủy sản, lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản được tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Đơn giá bồi thường vật nuôi thủy sản chưa tính giá trị đầu tư ao hồ. Vật nuôi thủy sản chỉ được bồi thường trong trường hợp tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch. Trường hợp vật nuôi thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch tại thời điểm thu hồi đất thì không được bồi thường.

4. Đối với vật nuôi thủy sản, lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản chưa có tên trong bảng đơn giá thì tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ theo vật nuôi thủy sản, lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản tương đương để áp đơn giá bồi thường cho phù hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ

1. Đơn giá bồi thường đối với vật nuôi thủy sản

STT	Vật nuôi thủy sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường	
			Thời kỳ ươm dưỡng con giống	Thời kỳ con giống đang phát triển
I	Nuôi vùng đầm phá			
1	Nuôi chuyên tôm	đồng/m ²	3.650	18.862
2	Nuôi xen ghép	đồng/m ²		13.421
3	Nuôi chuyên cá	đồng/m ²		16.582
4	Nuôi sinh thái (chăn sáo, nhuyễn thể)	đồng/m ²		10.212
II	Nuôi vùng cát ven biển			
1	Nuôi tôm thẻ chân trắng	đồng/m ²	16.740	33.602
2	Nuôi ốc hương	đồng/m ²		60.262
III	Nuôi cá ao đất nước ngọt	đồng/m ²	2.190	5.521

(Thời kỳ ươm dưỡng con giống đối với tôm <30 ngày, đối với cá <60 ngày).

2. Đơn giá hỗ trợ chi phí di chuyển lồng, bè, các ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá hỗ trợ
I	Di chuyển và neo lồng, bè nước lợ mặn		
1	Di chuyển lồng giai bằng lưới, được neo cố định bằng hệ thống cọc, giằng tre	đồng/m ³	23.000
2	Chi phí neo cố định lồng giai bằng lưới	đồng/m ³	37.000
3	Di chuyển lồng khung sắt, bao bọc bằng lưới	đồng/m ³	23.000
II	Di chuyển lồng, bè nước ngọt		
1	Di chuyển lồng khung sắt, bao bọc bằng lưới	đồng/m ³	7.000
III	Ngư cụ, công cụ nuôi thủy sản		
1	Di chuyển nò sáo	đồng/m	14.560
2	Di chuyển rờ	đồng/m ²	3.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá hỗ trợ
3	Di chuyển trọt chuôm	đồng/m ²	165.000
4	Di chuyển ao nuôi chần sáo	đồng/m ²	311
5	Di chuyển ao nuôi nghêu bằng hình thức đặng chần lưới	đồng/m ²	3.167

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định đơn giá vật nuôi thủy sản làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định đơn giá vật nuôi thủy sản làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối với những công trình, dự án đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo Quyết định này.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban TV Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TC, NĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương